



**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần: BS0.104.2 Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N01)\_09/05/2025\_2\_1

Thi tại : 402-A8

Ngày thi: 09/05/2025

Ca thi: Ca 2

Phòng số: 1

| STT | SBD | Mã SV      | Họ và tên                | Lớp            | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp  | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------------|----------------|------|-------|-------|---------|---------|
| 1   | 58  | 233732626  | X Bùi Thị Kim Anh        | K64.HTGTTM     | 0,3  | 12    |       | Kim Anh |         |
| 2   | 59  | 233732627  | X Nguyễn Duy Anh         | K64.HTGTTM     | 0,5  | 03    |       | Anh     |         |
| 3   | 60  | 221432385  | X Nguyễn Hoàng Anh       | K63.KTDTV3     | 00,0 | 21    |       | Anh     |         |
| 4   | 61  | 232234520  | X Nguyễn Lan Anh         | K64.KTVT3      | 3,8  | 03    |       | Anh     |         |
| 5   | 62  | 233702628  | X Nguyễn Lê Việt Anh     | K64.HTGTTM     | 1,5  | 21    |       | Anh     |         |
| 6   | 63  | 231830007  | X Phạm Hoàng Anh         | K64.KTE 1      | 7,3  | 03    |       | Anh     |         |
| 7   | 64  | 233332552  | X Nguyễn Khoa Bằng       | K64.RBTTNT     | 00,0 | 21    |       | Bằng    |         |
| 8   | 65  | 233732632  | X Hoàng Minh Chiến       | K64.HTGTTM     | 0,2  | 12    |       | Chiến   | Nợ HP   |
| 9   | 66  | 231532054  | X Nguyễn Mạnh Cường      | K64.KTD1       | 2,8  | 12    |       | Cường   | 2,8     |
| 40  | 67  | 233732634  | X Nguyễn Quốc Doanh      | K64.HTGTTM     | 00,0 | 21    |       | Doanh   | Nợ HP   |
| 11  | 68  | 211603082  | X Nguyễn Duy Dũng        | K62.KSTDH2     | 3,5  | 03    |       | Dũng    |         |
| 12  | 69  | 231532064  | X Tạ Tiến Dũng           | K64.KTD2       | 6,3  | 12    |       | Dũng    |         |
| 13  | 70  | 232030338  | X Bùi Nguyễn Ánh Dương   | K64.KETOAN2    | 3,0  | 12    |       | Dương   |         |
| 14  | 71  | 213133969  | X Nguyễn Thành Dương     | K62.QTDV1      | 0,5  | 21    |       | Dương   |         |
| 15  | 72  | 211410308  | X Trần Đại Dương         | K62.KSKTVT     | 4,5  | 12    |       | Dương   |         |
| 16  | 73  | 233732638  | X Phạm Thế Thành Đạt     | K64.HTGTTM     | 1,0  | 21    |       | Đạt     |         |
| 17  | 74  | V232112243 | X Bùi Trần Anh Đức       | K64.QTKD1      | 0,3  | 12    |       | Đức     |         |
| 48  | 75  | 231830026  | Mẫu Thị Giang            | K64.KTE 2      |      |       |       |         | Nợ HP   |
| 19  | 76  | 233430273  | X Nguyễn Thị Hương Giang | K64.TCNH       | 6,3  | 12    |       | Giang   |         |
| 20  | 77  | 221432454  | X Trần Văn Hải           | K63.KTDTV2     | 2,5  | 03    |       | Hải     |         |
| 21  | 78  | 211604400  | X Nguyễn Duy Hoàng       | K62.CNDKTDH    | 7,0  | 21    |       | Hoàng   |         |
| 22  | 79  | 232204591  | X Trần Thị Thu Hương     | K64.KTVT1      | 7,8  | 12    |       | Hương   |         |
| 23  | 80  | 211811572  | Chu Tùng Lâm             | K62.KTBCVT     |      |       |       |         | Nợ HP   |
| 24  | 81  | 231532104  | X Bùi Thanh Long         | K64.KTD2       | 00,0 | 03    |       | Long    |         |
| 25  | 82  | 211401022  | X Nguyễn Thanh Long      | K62.KSTTTT     | 00,0 | 121   |       | Long    |         |
| 26  | 83  | 231830052  | X Nguyễn Thành Long      | K64.KTE 1      | 2,5  | 12    |       | Long    |         |
| 27  | 84  | 233732658  | X Nguyễn Duy Mạnh        | K64.HTGTTM     | 0,8  | 03    |       | Mạnh    |         |
| 28  | 85  | 212236109  | Nguyễn Hà Mi             | K62.KTVTOTO    |      |       |       |         | Nợ HP   |
| 29  | 86  | 232630516  | X Nguyễn Đăng Nam        | K64.KTHVA(QT2) | 6,3  | 12    |       | Nam     |         |
| 30  | 87  | 232600522  | Phan Nguyễn Phương Ngọc  | K64.KTHVA(QT2) | 00,0 |       |       |         |         |
| 31  | 88  | V232112237 | X Nguyễn Thị Ánh Nguyệt  | K64.QTKD1      | 00,0 | 21    |       | Nguyệt  |         |
| 32  | 89  | 221432563  | X Nguyễn Thế Phong       | K63.KTDTV3     | 00,0 | 03    |       | Phong   |         |
| 33  | 90  | 211844481  | X Nguyễn Thị Phương      | K62.KTQLDT     | 0,5  | 21    |       | Phương  | Nợ HP   |
| 34  | 91  | 233332603  | X Trương Anh Quân        | K64.RBTTNT     | 3,5  | 03    |       | Quân    |         |
| 35  | 92  | 233732665  | X Đào Quang Sáng         | K64.HTGTTM     | 1,0  | 21    |       | Sáng    |         |
| 36  | 93  | 233332605  | X Trần Văn Thanh         | K64.RBTTNT     | 2,0  | 03    |       | Thanh   |         |
| 37  | 94  | 212106077  | Lê Tiến Thành            | K62.QHQLGTVTD1 | 00,0 |       |       |         |         |
| 38  | 95  | 212202026  | X Lộc Hoàng Thao         | K62.KTVTOTO    | 2,5  | 12    |       | Thao    |         |
| 39  | 96  | 232234660  | X Đỗ Thị Thảo            | K64.KTVT3      | 5,3  | 03    |       | Thảo    |         |
| 40  | 97  | 213131161  | Trần Phương Thảo         | K62.QTDV1      |      |       |       |         | Nợ HP   |
| 41  | 98  | 233332608  | X Nguyễn Việt Thắng      | K64.RBTTNT     | 3,3  | 02    |       | Thắng   |         |
| 42  | 99  | 212113249  | X Vũ Đức Thịnh           | K62.VTTMQT1    | 00,0 | 21    |       | Thịnh   | Nợ HP   |

Mã học phần:

BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N01)\_09/05/2025\_2\_1

Thi tại : 402-A8

Ngày thi: 09/05/2025

Ca thi: Ca 2

Phòng số: 1

| STT | SBD | Mã SV      | Họ và tên           | Lớp           | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------------|---------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 43  | 400 | 223231328  | Đỗ Đức Thuận        | K63.LOGIQLCU1 |      |       |       |        | Nợ HP   |
| 44  | 101 | 231532151  | X Nguyễn Văn Trí    | K64.KTD2      | 2,8  | 03    |       | Trí    |         |
| 45  | 402 | V232101855 | Nguyễn Lâm Tùng     | K64.QTKD1     |      |       |       |        | Nợ HP   |
| 46  | 103 | 233322619  | X Trịnh Quang Vinh  | K64.RBTTNT    | 3,8  | 12    |       | Vu     |         |
| 47  | 104 | 232000457  | X Vũ Ngọc Thường Vy | K64.KETOAN2   | 2,5  | 03    |       | Vu     |         |

Tổng số bài thi : 39

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

  
M.P. Binh

  
Bui Huong

  
PGS.TS. Trần Văn Long

  
Nguyễn Thị Minh Hiền

**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP



**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần: BS0.104.2 Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC: 2

Mã DST: BS0.104.2-2-24(N01)\_09/05/2025\_2\_1

Thi tại: 402-A8

Ngày thi: 09/05/2025

Ca thi: Ca 2

Phòng số: 1

| STT | SBD | Mã SV     | Họ và tên         | Lớp        | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|-------------------|------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 65  | 233732632 | Hoàng Minh Chiến  | K64.HTGTTM | 0,3  |       |       |        |         |
| 2   | 90  | 211844481 | Nguyễn Thị Phương | K62.KTQLDT | 0,5  |       |       |        |         |

**Tổng số bài thi :**

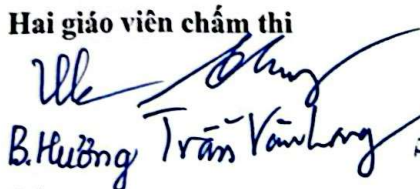
**Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

**Hai giáo viên chấm thi**

**Trưởng bộ môn**

**Người lập bảng**

  
B. Huong Tran Van Long

  
PGS.TS. Tran Van Long

  
Tran Ty Giang

**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần:

BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N02)\_06/05/2025\_4\_1

Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 4

Phòng số: 2

| STT | SBD | Mã SV     | Họ và tên             | Lớp             | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|-----------------------|-----------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 1   | 212130542 | Ma Thục Anh           | K62.VTTMQT3     | 1,0  | 08    |       |        |         |
| 2   | 2   | 231830006 | Nguyễn Việt Anh       | K64.KTE-2       |      | 01    |       |        | Nợ HP   |
| 3   | 3   | 221730119 | Phạm Doãn Minh Anh    | K63.QTKD2       | 1,8  | 09    |       |        |         |
| 4   | 4   | 232134347 | Trần Quỳnh Anh        | K64.KHAITHACVT3 | 4,5  | 04    |       |        |         |
| 5   | 5   | 232134349 | Nguyễn Minh Ánh       | K64.KHAITHACVT3 | 8,5  | 01    |       |        |         |
| 6   | 6   | 232204525 | Nguyễn Xuân Bách      | K64.KTVT2       | 3,8  | 18    |       |        |         |
| 7   | 7   | 233732633 | Bùi Đức Văn Chương    | K64.HTGTMM      | 2,0  | 04    |       |        |         |
| 8   | 8   | 222104574 | Lê Trần Mỹ Dung       | K63.QHQLGTD     | 3,3  | 08    |       |        |         |
| 9   | 9   | 231532061 | Nguyễn Hữu Dũng       | K64.KTD2        | 5,3  | 01    |       |        |         |
| 10  | 10  | 212231710 | Dương Đức Duy         | K62.KTVTTB1     | 3,8  | 18    |       |        |         |
| 11  | 11  | 231730106 | Lê Thủy Dương         | K64.QTKD2       | 7,8  | 08    |       |        |         |
| 12  | 12  | 222630264 | Lưu Đình Đạt          | K63.QTKDVA(QT)  | 0,5  | 04    |       |        |         |
| 13  | 13  | 233231144 | Dương Quang Đăng      | K64.LOGIQLCU2   |      | 01    |       |        | Nợ HP   |
| 14  | 14  | 243133106 | Nguyễn Đức Khánh Đoàn | K62.QTDVLD2     |      | 18    |       |        | Nợ HP   |
| 15  | 15  | 221532277 | Đậu Xuân Đức          | K63.KTD2        | 5,5  | 01    |       |        |         |
| 16  | 16  | 231612431 | Nguyễn Minh Đức       | K64.DKTDH1      | 3,5  | 18    |       |        |         |
| 17  | 17  | 232234540 | Nguyễn Minh Đức       | K64.KTVT3       | 6,0  | 08    |       |        |         |
| 18  | 18  | 212631806 | Ngô Thu Hà            | K62.KTTH 2(QT)  |      |       |       |        |         |
| 19  | 19  | 212032674 | Nguyễn Hồng Hạnh      | K62.KETOAN TH2  | 6,8  | 04    |       |        |         |
| 20  | 20  | 221532288 | Lê Minh Hiếu          | K63.KTD2        | 4,5  | 01    |       |        |         |
| 21  | 21  | 211404347 | Thái Công Hiếu        | K62.KSDTTHCN2   | 5,5  | 08    |       |        |         |
| 22  | 22  | 233221154 | Trần Trung Hiếu       | K64.LOGIQLCU2   | 2,3  | 08    |       |        |         |
| 23  | 23  | 221730155 | Vũ Minh Hiếu          | K63.QTKD1       | 4,8  | 18    |       |        |         |
| 24  | 24  | 882380002 | Nguyễn Hoàng Hùng     | K64.QTKD2       | 2,8  | 04    |       |        |         |
| 25  | 25  | 232104399 | Trương Gia Huy        | K64.KHAITHACVT2 | 4,5  | 01    |       |        |         |
| 26  | 26  | 221730159 | Lương Khánh Huyền     | K63.QTKD2       | 4,3  | 18    |       |        |         |
| 27  | 27  | 212010237 | Phùng Ngọc Huyền      | K62.KETOAN TH1  | 9,8  | 08    |       |        |         |
| 28  | 28  | 232234586 | Trần Duy Hưng         | K64.KTVT3       | 2,0  | 08    |       |        |         |
| 29  | 29  | 232134406 | Trần Quỳnh Hương      | K64.KHAITHACVT2 | 6,5  | 18    |       |        |         |
| 30  | 30  | 223231279 | Phạm Thị Lê           | K64.LOGIQLCU2   | 3,0  | 04    |       |        |         |
| 31  | 31  | 212634568 | Phan Ngọc Thủy Linh   | K62.QTKD(QT)    |      |       |       |        |         |
| 32  | 32  | 232234608 | Trần Khánh Linh       | K64.KTVT3       | 9,3  | 04    |       |        |         |
| 33  | 33  | 232630506 | Trần Tiến Lực         | K64.KTTHVA(QT)2 | 3,3  | 01    |       |        |         |
| 34  | 34  | 222630563 | Nguyễn Đức Mạnh       | K63.KTTHVA(QT)1 |      | 04    |       |        | Nợ HP   |
| 35  | 35  | 231432302 | Lê Hải Nam            | K64.KTDTVT2     | 5,3  | 18    |       |        |         |
| 36  | 36  | 221532325 | Nguyễn Thành Nam      | K63.KTD2        | 1,8  | 04    |       |        |         |
| 37  | 37  | 231532117 | Trần Thành Nam        | K64.KTD2        |      |       |       |        | Nợ HP   |
| 38  | 38  | 232104431 | Vũ Quang Nam          | K64.KHAITHACVT2 | 3,5  | 08    |       |        |         |
| 39  | 39  | 213130953 | Đoàn Thị Lệ Ngọc      | K62.QTDVLD2     | 5,0  | 01    |       |        |         |
| 40  | 40  | 232630238 | Nguyễn Bảo Nhật       | K64.QTKDVA(QT)  |      |       |       |        |         |
| 41  | 41  | 231432315 | Bùi Trung Phúc        | K64.KTDTVT1     | 8,5  | 18    |       |        |         |
| 42  | 42  | 223134494 | Nguyễn Tú Phương      | K63.QTDVLLH1    | 5,3  | 08    |       |        |         |



học phần:

BS0.104.2

Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N02)\_06/05/2025\_4\_1

Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 4

Phòng số: 2

| STT | SBD | Mã SV       | Họ và tên            | Lớp             | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|-------------|----------------------|-----------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 43  | 43  | X 231532131 | Lê Minh Quang        | K64.KTD2        | 2,8  | 04    |       |        |         |
| 44  | 44  | X 231532133 | Trần Nhật Quân       | K64.KTD2        | 6,0  | 01    |       |        |         |
| 45  | 45  | X 232234656 | Nguyễn Văn Thái      | K64.KTVT3       | 2,8  | 18    |       |        |         |
| 46  | 46  | X 223134515 | Vũ Thị Thảo          | K63.QTDVLLH1    |      |       |       |        |         |
| 47  | 47  | 231432357   | Phạm Trường Thi      | K64.KTDTVT2     |      |       |       |        | Nợ HP   |
| 48  | 48  | X 231532148 | Trần Đức Thiện       | K64.KTD2        | 4,5  | 01    |       |        |         |
| 49  | 49  | X 211832913 | Đinh Thị Thùy Trang  | K62.KTQLDT      | 5,5  | 18    |       |        |         |
| 50  | 50  | X 232630545 | Trần Văn Triệu       | K64.KTTHVA(QT)2 | 3,3  | 08    |       |        |         |
| 51  | 51  | X 211410313 | Đặng Thành Trung     | K62.KSDTTHCN1   | 9,8  | 04    |       |        |         |
| 52  | 52  | X 231830084 | Vy Quốc Tuấn         | K64.KTE 1       |      | 01    |       |        | Nợ HP   |
| 53  | 53  | X 231432393 | Đinh Tiến Việt       | K64.KTDTVT2     |      | 08    |       |        | Nợ HP   |
| 54  | 54  | X 233231239 | Nguyễn Sỹ Hoàng Việt | K64.LOGIQLCU2   | 9,0  | 01    |       |        |         |
| 55  | 55  | X 231532157 | Nguyễn Hoàng Vũ      | K64.KTD2        | 4,8  | 04    |       |        |         |
| 56  | 56  | X 232630257 | Nguyễn Hà Vy         | K64.QTKDVA(QT)  | 4,3  | 18    |       |        |         |
| 57  | 57  | X 231532159 | Cao Đình Yên         | K64.KTD2        | 5,0  | 08    |       |        |         |

Tổng số bài thi : 51

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

  
 Hoàng Thuý Linh

  
 Phạm Văn Hoàng Sơn

  
 PGS.TS. Trần Văn Long

  
 Nguyễn Thị Minh Hiền
**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần: BS0.104.2      Tên học phần: Lý thuyết xác suất      Số TC : 2  
Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N02)\_06/05/2025\_4\_1      Thi tại : 301-A7  
Ngày thi: 06/05/2025      Ca thi: Ca 4      Phòng số: 2

| STT | SBD | Mã SV     | Họ và tên       | Lớp       | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp    | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|-----------------|-----------|------|-------|-------|-----------|---------|
| 1   | 2   | 231830006 | Nguyễn Việt Anh | K64.KTE 2 | 5,3  | 01    |       | <i>AV</i> |         |

**Tổng số bài thi :**

**Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 2025

**Hai giáo viên chấm thi**

**Trưởng bộ môn**

**Người lập bảng**

*Bùi Hương*  
*Trần Văn Long*

*PGS.TS. Trần Văn Long*

*QM*  
*Tào Thị Giay*

**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần: BS0.104.2 Tên học phần: Lý thuyết xác suất

Số TC : 2

Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N02)\_06/05/2025\_4\_1 Thi tại : 301-A7

Ngày thi: 06/05/2025

Ca thi: Ca 4

Phòng số: 2

| STT | SBD | Mã SV     | Họ và tên        | Lớp           | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|------------------|---------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 13  | 233231144 | Dương Quang Đăng | K64.LOGIQLCU2 | 6,5  |       |       |        |         |

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

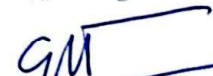
Trưởng bộ môn

Người lập bảng

  
B. Hoàng

  
Trần Văn Long

  
PGS.TS. Trần Văn Long

  
Trần Thị Giay

**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP



**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần: BS0.104.2      Tên học phần: Lý thuyết xác suất      Số TC: 2  
Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N02)\_06/05/2025\_4\_1      Thi tại: 301-A7  
Ngày thi: 06/05/2025      Ca thi: Ca 4      Phòng số: 2

| STT | SBD | Mã SV     | Họ và tên             | Lớp         | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|-----------------------|-------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 14  | 213133106 | Nguyễn Đức Khánh Đoàn | K62.QTDVDL2 | 3,5  |       |       |        |         |

**Tổng số bài thi :**

**Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 2025

**Hai giáo viên chấm thi**

**Trưởng bộ môn**

**Người lập bảng**

  
Bùi Hoàng Trần Văn Long

  
PGS.TS. Trần Văn Long

  
Trần Túy Giay

**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP



**DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Kế hoạch thi học kỳ phụ (đợt 2) HK II 24-25**

Mã học phần: BS0.104.2      Tên học phần: Lý thuyết xác suất      Số TC : 2  
Mã DST: BS0.104.2-2-2-24(N02)\_06/05/2025\_4\_1      Thi tại : 301-A7  
Ngày thi: 06/05/2025      Ca thi: Ca 4      Phòng số: 2

| STT | SBD | Mã SV     | Họ và tên       | Lớp             | Điểm | Đề số | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|-----|-----------|-----------------|-----------------|------|-------|-------|--------|---------|
| 1   | 53  | 231432393 | Đinh Tiến Việt  | K64.KTDTV2      | 88   |       |       |        |         |
| 2   | 34  | 222630563 | Nguyễn Đức Mạnh | K63.KTTHVA(QT)1 | 25   |       |       |        |         |

Tổng số bài thi :

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 2025

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

  
B. Hương

  
Trần Văn Long

  
PGS.TS. Trần Văn Long

  
Trần Thị Gợi

**Ghi chú:**

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP